

1



Cùng trông lại và cùng sẽ thấy...

Đã có thời văn chương Việt “rầm rập bước chân ta đi” ồ ạt qua biên giới, được dịch và phát hành rộng rãi, hoà cùng gió Á mưa Âu và cả vùng Caribe quanh năm nắng ấm, với Trung Quốc, Triều Tiên, Mông Cổ, các nước thuộc Liên bang Xô viết, Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ Đức, Ba Lan, Nam Tư, Rumani, Hungary, Bulgaria, Cu Ba,... Đó là thời cả thế giới nhìn vào, và gần nửa thế giới hò hô ta tiếp sức cho cuộc “trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” của chúng ta. Ngoài vũ khí và cái ăn cái mặc thì văn hoá sách vở cũng được quan tâm tăng cường qua lại để hiểu nhau, để “yêu và thương sâu hơn, nghĩa tình đậm thắm hơn” như *Ở hai đầu nỗi nhớ*.

Tuy nhiên, sau ngày đất nước thống nhất mọi sự ngưng dần ra. Đỉnh điểm là khi Đông Âu và Liên Xô tan rã, con đường xuất ngoại của văn chương Việt coi như bế quan toả cảng. Trước đó, sách văn học và sách vở trong nước nói chung cũng đã chết lâm sàng khi hệ thống phát hành sách nhân dân bị khai tử, các nhà xuất bản chính thức được đẩy ra biển-thị-trường, vùng vẫy tự bơi.

Khi cánh cửa ra thế giới qua các nước xã hội chủ nghĩa anh em dần khép lại, thì qua một số hãng tin nước ngoài thường trú tại Việt Nam, bắt đầu có nhà xuất bản nhỏ và vừa từ Âu – Mỹ kết nối và dè dặt dịch sách của các nhà văn nhà thơ Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Khải, Lê Lựu, Ma Văn Kháng, Lê Minh Khuê, Hồ Anh Thái, Đoàn Lê, Nguyễn Duy, Nguyễn Huy Thiệp, Vũ Bảo, Bảo Ninh,... Trong nước gõ mõ khua chiêng ồn ào chứ nơi sở tại điềm tĩnh tiếp nhận hững hờ khen chê. Trường hợp tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại *Tình yêu sau chiến tranh* (Love after War) do Wayne Karlin và Hồ Anh Thái chủ biên được báo Ký sự San Francisco chọn vào Top 100 cuốn sách hay năm 2002 và tạo được dư luận trên các trang báo uy tín ở Âu – Mỹ có lẽ là hi hữu. Nhà văn Hồ Anh Thái, tác giả của một số tiểu thuyết, tập truyện được dịch ra hơn mười thứ tiếng và xuất bản ở nhiều nước, từng tham gia nhiều diễn

đàn văn chương và hội chợ sách quốc tế, nhìn nhận: “*Nhưng phải thấy rằng các nhà xuất bản không hề nghĩ rằng văn chương Việt Nam là một mỏ vàng, và những tác phẩm đã dịch, đã bày bán, không hề đắt như tôm tươi. Độc giả Anh và Mỹ không hào hứng với văn chương dịch. Một số cuốn thành công ở mức độ có dư luận trên những tờ báo có uy tín, được giới giảng viên và nghiên cứu sinh về Việt Nam chào đón*”⁽¹⁾. Giảng viên và nghiên cứu sinh về Việt Nam chắc chỉ đếm trên đầu ngón tay, theo thời gian, cùng lắm là đếm thêm... ngón chân. Tiếp đến, một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Ngọc Thuần, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Nhật Ánh, Ý Nhi, Mai Văn Phấn, Phong Điệp, Phan Hồn Nhiên, Vũ Đình Giang,... được dịch và phát hành ở Mỹ, Pháp, Đức, Thụy Điển, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan. Nhưng thực tế, nhiều tác phẩm được dịch, in xong và yên nghỉ trong thư viện. Số tác giả – tác phẩm ra được thị trường là vô cùng ít. Cũng có một vài giải thưởng được trao – nhận, nhưng xong rồi tự chìm, vì không phải giải thưởng uy tín lắm. Vài năm trở lại đây, Nguyễn Phan Quế Mai, nhà văn viết trực tiếp bằng tiếng Anh và Thuận, nhà văn viết

(1) Hồ Anh Thái, *Con đường “xuất ngoại” cho văn chương Việt Nam*, in trong *Thế gian dài hơn bước chân người*, Nhà Nam & Nhà xuất bản Dân Trí, 2025, tr.305-306. (Chú thích trong sách của Tác giả, các chú thích khác cũng ghi rõ).

bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, đã định cư ở Pháp từ lâu, được các nhà xuất bản nhỏ và vừa ở Âu – Mỹ đầu tư truyền thông, có được hiệu ứng phát hành hơn cả. Nhà văn Tạ Duy Anh từng thảng thốt: “*Đa số bạn đọc nước ngoài quan tâm đến văn học Việt đều là công dân của các quốc gia ít nhiều ‘gắn bó’ hoặc có mối liên đới với Việt Nam trong lịch sử. Và họ đọc với tâm thế tò mò nhiều hơn là bị thúc bách bởi sự cuốn hút thực sự của giá trị văn chương*”⁽¹⁾.

Dẫu vậy, giấc mơ Nobel văn chương vẫn âm ỉ sục sôi nơi văn đàn Việt. Chả thế mà ở miền Nam trước 1975 từng ồn ào khi trên *Tạp chí Văn* số 95, ra ngày 1/12/1967, đăng nguyên thư của bác sĩ Trần Ngươn Phiêu, có đoạn: “*Dân tộc Việt Nam chưa từng đoạt được giải thưởng văn chương quốc tế nào. Năm nay trên nhật báo Sống đã có đăng liên tục tiểu thuyết Người Mỹ ưu tư của nhà văn Hồ Hữu Tường. Cốt truyện hay, văn chương tế nhị, tư tưởng siêu thoát của tác phẩm khiến chúng tôi tin tưởng rằng: Nếu chúng ta đề cử nhà văn lão thành của chúng ta cho Ủy ban cấp giải thưởng Nobel thì tiểu thuyết này có thấy ít nhiều hy vọng. Chúng tôi là một nhóm thanh niên tha thiết thấy dân tộc ta được góp mặt vào việc xây dựng văn hoá quốc tế nhân ái và tự do.*”

(1) Tạ Duy Anh, *Xuất khẩu văn chương*, <https://vnexpress.net/xuat-khau-van-chuong-4547384.html>

Nên chúng tôi kêu gọi mau chóng thành lập Ủy ban vận động việc đề cử đúng thủ tục Hồ Hữu Tường làm ứng cử viên giải thưởng văn chương Nobel năm 1968, về tác phẩm *Người Mỹ ưu tú*⁽¹⁾. Hay năm 1972 thì bá Vũ Hoàng Chương được linh mục, nhà nghiên cứu phê bình Thanh Lãng (Chủ tịch Trung tâm Văn bút [miền Nam] Việt Nam) đề cử lên Ủy ban Giải thưởng Nobel, dù thư giới thiệu đề cử lưu ý giữ bí mật không được công khai tiết lộ danh tính, văn giới vẫn rần rần, lại có màn ganh tỵ, nói hành nói tỏi tùm lum⁽²⁾. Cho đến năm mười năm sau, theo quy định Viện Hàn lâm Thụy Điển mới công bố danh sách những người được đề cử Giải thưởng Nobel văn chương của năm đó, thì hậu thế vẫn không thôi bàn tán. Gần nhất, năm 2022 làng văn lại được phen xôn xao khi thư của Ủy ban Giải thưởng Nobel gửi đến Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đề nghị ông đề cử tác giả Việt Nam để xét giải. Dù thư đến muộn hai mươi ngày, như *game show* truyền hình mà người chơi quay vào ô mất lượt, nhưng cả văn đàn được dịp dậy sóng tiếc rẻ, như thể vô hột giải thưởng, rồi ồn ào ai là người xứng đáng để được đề cử? Cụ thể hơn, có nhà văn mỗi năm Hà Nội vào thu, không quan tâm “lá khởi vàng chưa nhỉ”,

(1) Lê Văn Nghĩa (biên soạn), *Văn học Sài Gòn 1954 - 1975 - Những chuyện bên lề*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM, 2020, tr.258.

(2) Lê Văn Nghĩa (biên soạn), *Văn học Sài Gòn 1954 - 1975 - Những chuyện bên lề*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM, 2020, tr.260.

mà thấp thỏm nghe đài ngóng điện thoại, đến khi đài báo loan tin chủ nhân Giải Nobel Văn chương mặt lại thất thần tái mét kêu lên: “Chúng nó lại cướp hơn triệu đô⁽¹⁾ của tao rồi”, y như mất của thật. Có lẽ nhiều nhà văn xứ ta định ninh câu “Không anh bình nhì nào lại không có ước mơ, rằng ngày nào đó mình sẽ trở thành đại tướng” của Napoléon Bonaparte, là nói với cả giới văn chương, ý văn học là, không anh cầm bút nào lại không có ước mơ ngày nào đó mình sẽ chạm tới Giải Nobel. Mà thật, ước mơ thì cần chứ, tốt chứ, chỉ cần đủ tỉnh để không thành tự kỷ ám thị.

Sòng phẳng nhìn thẳng nói thật, văn chương Việt còn cách các nền văn chương “anh hai, chị ba” của thế giới một khoảng rất dài và rất xa. Và *Hành khúc ngày và đêm* viết viết viết để mong rút ngắn lại khoảng cách ấy vẫn cứ là câu chuyện... mơ về nơi xa lắm. Với riêng văn học thiếu nhi, khoảng cách với thế giới càng xa hơn. Dẫu cho, ở bình diện văn học dân gian dành cho thiếu nhi chúng ta tự tin kho tàng truyện cổ, đồng dao, vè, câu đố Việt Nam có thể sánh vai cùng nhiều nước.

* * *

(1) Giải Nobel Văn chương trị giá 11 triệu *krone* Thụy Điển, tương đương hơn 1 triệu USD.

Xin hãy hình dung, chữ Quốc ngữ được phê thai và thành hình vào khoảng từ năm 1618 đến 1625, nhưng phải đến năm 1865, *Gia Định báo*, tờ báo viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở nước ta, mới ra mắt người dân Nam Kỳ. Và năm 1871, người Pháp mới thành lập Trường Sư phạm Bản xứ, yêu cầu học trò làm bài khoá bằng chữ Quốc ngữ. Từ năm 1882, Thống đốc Nam Kỳ quyết định tất cả các văn bản hành chính phải viết bằng chữ Quốc ngữ và kể từ 1886, điều kiện cần khi tuyển dụng nhân viên hành chính là phải biết chữ Quốc ngữ. Như vậy là từ đầu thế kỷ 17 đến cuối thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ ra đời và dần phổ biến rộng rãi ở miền Nam nước ta. Tương ứng khoảng thời gian hơn 200 năm chữ Quốc ngữ xuất hiện và loay hoay tìm chỗ đứng trong đời sống của người Việt, thì văn học thiếu nhi thế giới đã định hình rõ ràng những tác phẩm sẽ đi vào kinh điển, chịu được lò nhiệt của thời gian, xuyên qua ba bốn thế kỷ và chắc chắn sẽ còn đứng tấn trụ lâu hơn nữa. Tất nhiên, những tác phẩm này, hầu hết ngay từ đầu được viết để hướng đến người lớn, hoặc hướng đến cả người lớn lẫn trẻ em. Nhưng đến giờ đã được xếp hạng “bảo vật”, vào hàng kinh điển văn học thiếu nhi. Là Daniel Defoe từ nước Anh dặt *Robinson Crusoe* lên đảo hoang năm 1719. Là Jonathan Swift từ Ireland đưa Gulliver đến đất nước người tí hon, người khổng lồ, đảo bay, ngựa người trong

Gulliver du ký năm 1726. Là Hans Christian Andersen đã tạo tác xong thế giới cổ tích từ năm 1835 đến 1840, đưa *Nàng tiên cá*, *Chú lính chì dũng cảm* trở thành biểu tượng của đất nước Đan Mạch, đồng thời bản thân nhà văn và truyện cổ tích của ông trở thành tấm hộ chiếu để đất nước Bắc Âu này đi ra với thế giới. Là Charles Dickens từ nước Anh dẫn *Oliver Twist* bước từ nhà tế bần đến với năm châu vào năm 1839. Là Lewis Carroll cũng từ nước Anh dẫn cô bé Alice theo chân chú thỏ trắng vào cuộc phiêu lưu kỳ lạ trong *Alice ở xứ sở thần tiên* năm 1865. Là Jules Verne từ Pháp đã làm chuyến du hành khoa học viễn tưởng *Hai vạn dặm dưới biển* năm 1870. Mark Twain từ Mỹ với *Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer* năm 1876. Anna Sewall từ Anh với *Ngựa ô yêu dấu* năm 1877. Hector Malot từ Pháp với *Không gia đình* năm 1878. Là Johanna Spyri từ Thụy Sĩ với *Heidi* năm 1880. Là Robert Louis Stevenson từ Scotland với *Đảo giấu vàng* năm 1883. Là Edmondo De Amicis từ Ý với *Những tấm lòng cao cả* năm 1886. Là Oscar Wilde từ Ireland với *Chàng hoàng tử hạnh phúc* năm 1888, *Ngôi nhà thạch lưu* năm 1892. Thậm chí từ trước đó, theo GS. Kimberley Reynolds: “*Lịch sử văn học cho trẻ em được cho là bắt đầu từ thế kỷ 17 với cuốn Thế giới hiện hữu trong tranh (Orbis Sensualium Pictus)*

của nhà cải cách giáo dục người Séc, John Amos Comenius”⁽¹⁾. Cuốn sách có kích thước chỉ 142 x 83mm này được xuất bản lần đầu bằng tiếng Đức vào năm 1658. Chưa kể, truyện ngụ ngôn Aesop đã được dịch và in từ năm 1484. Hay năm 2016, độc giả Việt Nam bắt gặp với *Những tuyệt phẩm dành cho thiếu nhi*, tập hợp các truyện mang màu sắc ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện cười và truyện về các sinh vật của Leonardo da Vinci. Mà nhà phát minh, hoạ sĩ thiên tài người Ý này hiện diện trong bầu khí quyển nhân loại từ giữa thế kỷ 15 đến đầu thế kỷ 16.

Trong khi Huỳnh Tịnh Của còn vật lộn soạn từ điển *Đại Nam quốc âm tự vị* (1895-1896), quyển tự vị tiếng Việt đầu tiên do người Việt biên soạn, rồi đến năm 1907 mới có tờ báo Quốc ngữ đầu tiên ở Bắc Kỳ, là *Đăng cổ tùng báo*, thì cùng lúc ấy, văn học thiếu nhi thế giới có thêm những cột mốc lớn mới với *Cậu bé rừng xanh* (1894) và *Kim* (1901) của Rudyard Kipling (nhà văn nhận Giải Nobel năm 1907), *Phù thủy xứ Oz* (1900) của L. Frank Baum, *Peter Pan* (1904) của J. M. Barrie, *Công chúa nhỏ* (1905) và *Khu vườn bí mật* (1911) của Frances Hodgson Burnett, *Lũ trẻ đường tàu* (1906) của E. Nesbit, *Anne tóc đỏ dưới mái nhà xanh* (1908) của Lucy Maud Montgomery, *Gió qua rừng liễu* (1908)

(1) Kimberley Reynolds (Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Thanh Hương & Nguyễn Thị Diệu Linh dịch), *Nhập môn Văn học trẻ em*, Nhà xuất bản Văn học, 2024, tr.21.

của Kenneth Grahame, *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Nils Holgersson* (1907) đưa Selma Lagerlöf trở thành nữ nhà văn đầu tiên nhận giải thưởng Nobel Văn chương vào năm 1909, Henryk Sienkiewicz ẩm giải Nobel năm 1905 kịp có thêm *Trên sa mạc và trong rừng thẳm* (1911), Vamba với *Nhật ký Gian Rắc Rối* (1912) và Eleanor H. Porter với *Pollyanna – Mặt trời bé con* (1913), v.v...

Văn học thiếu nhi Việt Nam chỉ thật sự khởi đi từ những năm 1920, theo các nhà nghiên cứu là đánh dấu bằng tiểu thuyết *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật được in vào năm 1925. Tuy nhiên, tương tự như những tác phẩm thuở ban đầu của văn học thiếu nhi thế giới, *Quả dưa đỏ* được Đồ Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật viết để hướng đến người lớn. Tiểu thuyết hơn 300 trang, phát triển từ cốt truyện *Sự tích quả dưa hấu*, ôm chứa nhiều yếu tố văn hoá, lịch sử dân tộc không thể hướng đến trẻ em ở thời điểm mà đến người lớn còn la liệt mù chữ như ngày ấy. Giải thưởng văn chương của Hội Khai Trí Tiến Đức trao cho tiểu thuyết trong cùng năm cuốn sách được xuất bản khẳng định thêm về đối tượng mà tiểu thuyết hướng đến. Gần đây, theo nhà phê bình TS. Lê Nhật Ký, nhìn từ thư viện của tiểu chủng viện Làng Sông ở Tuy Phước, Bình Định – nơi các thừa sai Dòng Tên xây dựng căn cứ địa để đào tạo tu sĩ